TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **146**/2026/HNGĐ-ST*
Ngày: 22/7/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thuý Hằng**

2. Ông **Trần Đăng Khoa**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn B** , sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 2, ấp M, xã C, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Bà **Lương Thị Kim T,** sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh A.

(Ông B có mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày:***

Ông Lê Văn B và bà Lương Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện C, tỉnh K (nay là xã C, tỉnh A) ngày 02/4/2006.

Chúng tôi chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, ông bà không còn tiếng nói chung. Mặc dù ông bà đã nhiều lần cố gắng giải quyết những bất đồng, những mâu thuẫn

phát sinh nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nhận thấy những mâu thuẫn này không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà ly thân khoảng chục năm nay. Vì vậy ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lương Thị Kim T. Quá trình chung sống có 01 người con chung là Lê Cẩm G, sinh ngày 02/8/2005. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau, nên ông có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Lương Thị Kim T;

- Về con chung: Đối với con chung tên Lê Cẩm G, sinh ngày 02/8/2005 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn bà Lương Thị Kim T:*** Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng bà Lương Thị Kim T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 18/6/2026 đối với Ban Lãnh Đạo ấp Tân Bình, xã Châu Thành, tỉnh An Giang:***

Ban lãnh đạo ấp T, xã C, tỉnh A xác nhận bà Lương Thị Kim T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã C, tỉnh A, hiện tại đương sự không có mặt tại địa phương nhưng khoảng vài tháng thì có về thăm nhà một lần. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không rõ do các đương sự không trình báo chính quyền địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông Lê Văn B ly hôn với bà Lương Thị Kim T, về con chung đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: ông Lê Văn B không yêu cầu xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Văn B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Lương Thị Kim T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp ly hôn*", bị đơn bà Lương Thị Kim T có nơi cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh A nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà Lương Thị Kim T chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Văn B, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn B và bà Lương Thị Kim T chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã GGT, huyện C, tỉnh K (nay là UBND xã C, tỉnh A) do đó quan hệ hôn nhân của ông B và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông B trình bày trong thời gian chung sống ông B và bà T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp và ông bà đã ly thân từ khoảng chục năm nay. Tại phiên tòa, ông B xác định hiện nay không còn tình cảm với bà T và kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà T không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống Ông B và bà T có 01 con chung là Lê Cẩm Gìn, sinh ngày 02/8/2005 nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bà T đúng theo quy định pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa ông B và bà T. Đồng thời ông B xác nhận trong thời gian chung sống cùng bà T thì ông bà không có tài sản chung và cam kết ông bà không có nợ ai nên ông B không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B về việc tranh chấp ly hôn với bà T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B là nguyên đơn trong vụ án nên ông B phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn B về việc "Tranh chấp ly hôn" với bà Lương Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Cho ông Lê Văn B được ly hôn với bà Lương Thị Kim T.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lê Cẩm G, sinh ngày 02/8/2005 nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn B xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn B phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 302903 ngày 13/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang; ông B không phải nộp thêm; bà T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh